

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 /5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Chí N, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Anh N và chị T cùng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt của nguyên đơn là anh Bùi Chí N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh N và chị T qua tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống tuy chung sống một nhà nhưng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, anh và chị T chấm dứt mối quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2020 cho đến khi anh có đơn yêu cầu được ly hôn với chị T, đến đầu tháng 5/2021 chị T đã về bên gia đình cha mẹ ruột tại Phú Hòa (ấp 3), xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm để sinh sống cho đến nay, hiện tại anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa. Do vậy, anh N có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh N và chị T chung sống có một con chung tên Bùi Ngọc Như T, sinh ngày 02/9/2019, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng, anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày cho anh và chị T ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên anh Bùi Chí N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản khai và biên bản hòa giải ngày 19/02/2021 bị đơn là Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh N về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân hiện tại nhưng chị cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh N không đáng kể nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Đến ngày 07/5/2021 chị Nguyễn Thị T có yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, trong nội dung đơn thể hiện như sau:

- Về hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

- Về con chung: Chị T có yêu cầu nuôi con chung là Bùi Ngọc Như T, sinh ngày 02/9/2019, đồng ý để anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày cho chị và anh N ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn anh Bùi Chí N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, cụ thể chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong lần hòa giải thứ hai và phiên tòa xét xử lần đầu.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Chí N về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Ngọc Như T, sinh ngày

02/9/2019, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cho chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị T trình bày thống nhất không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Anh Bùi Chí N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và xem xét về việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh N được xác định vụ án có quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chị Nguyễn Thị T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Hòa (ấp 3), xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Bùi Chí N và chị Nguyễn Thị T đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Xét nội dung yêu cầu của anh N và chị T là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Chí N và anh Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyền 01/2018, ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Ủy ban nhân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của anh N và chị T là hợp pháp.

Anh N có yêu cầu ly hôn với chị T do trong quá trình giải quyết vụ án khi Tòa án hòa giải lần đầu ngày 19/02/2021 anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị T có ý kiến không đồng ý ly hôn với anh N, đến lần hòa giải thứ hai ngày 05/3/2021 Tòa án đã thông báo hợp lệ nhưng chị T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/5/2021, mặc dù chị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị T không đến đúng thời gian quy định. Đến 15 giờ ngày 07/5/2021 chị T đến Tòa án và có đơn yêu cầu giải quyết, xét vắng mặt, đồng thời chị T có ý kiến cho rằng hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Xét thấy, giữa anh N và chị T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực

hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại anh chị đã không chung sống với nhau nữa.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị anh N và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N để giải quyết cho anh N được ly hôn với chị T.

[2.2] Về con chung:

- Chị T và anh N chung sống có một con chung tên Bùi Ngọc Như T, sinh ngày 02/9/2019, hiện tại chị T đang nuôi con, anh chị đã thống nhất thỏa thuận được việc nuôi con là để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện tại con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, việc anh chị thỏa thuận để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh N đã thống nhất được mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng nuôi con là anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày cho anh chị ly hôn. Xét thấy việc thỏa thuận mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng nuôi con của anh chị trên cơ sở tự nguyện, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xem xét chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh N và chị T trình bày thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Anh N và chị T trình bày thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000 đồng. Về án phí cấp dưỡng anh N là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu 300.000 đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân

sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Chí N. Anh Bùi Chí N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Ngọc Như T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Chí N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Bùi Ngọc Như T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2019 theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2021.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị T trình bày thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Anh Bùi Chí N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006804 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Anh Bùi Chí N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và còn phải nộp đủ số tiền này.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Thanh Huệ